

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC SYDNEY VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC SYDNEY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SYDNEY VIETNAM EDUCATION GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SYDNEY VIETNAM EDUCATION., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109789618

**3. Ngày thành lập:** 25/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô B10/ D13 khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911733335

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8230        |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8299        |
| 3.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8511        |
| 4.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8512        |
| 5.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8521        |
| 6.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8522        |
| 7.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8523        |
| 8.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8531        |
| 9.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8532        |
| 10. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8533        |
| 11. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8541        |
| 12. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8542        |
| 13. | Đào tạo tiến sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8543        |
| 14. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8551        |
| 15. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8552        |
| 16. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;<br>- Dạy bay;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559(Chính) |
| 17. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8560        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                       | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | BÙI TUẤN<br>ANH      | Số 21 đường<br>Hàng Tiện,<br>Phường Quang<br>Trung, Thành phố<br>Nam Định, Tỉnh<br>Nam Định, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.800.0<br>00 | 18.000.000.000           | 90,000       | 0360820053<br>74                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Tổng số                            | 1.800.0<br>00 | 18.000.000.000           | 90,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRƯƠNG<br>THANH TÙNG | Khu 5, Xã Hiền<br>Lương, Huyện Hạ<br>Hoà, Tỉnh Phú<br>Thọ, Việt Nam                                      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 5,000        | 131475241                                                                                                              |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                          |                                                                                                                             |                                    |         |               |       |                  |
|---|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|-------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>THÙY<br>THƯỜNG | CH508, Nhà<br>17T10 KĐT<br>Trung Hòa Nhân<br>Chính, Phường<br>Trung Hoà, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000 | 1.000.000.000 | 5,000 | 0011830414<br>72 |
|   |                          |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000 |                  |
|   |                          |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000 |                  |
|   |                          |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000 |                  |
|   |                          |                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000 |                  |
|   |                          |                                                                                                                             | Tổng số                            | 100.000 | 1.000.000.000 | 5,000 |                  |
|   |                          |                                                                                                                             |                                    |         |               |       |                  |

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

\* Ho và tên: BÙI TUẤN ANH

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Ngày cấp: 17/02/2017      Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 21 đường Hàng Tiện, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 21 đường Hàng Tiện, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định,  
Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội